



LIÊN KẾT ĐÀO TẠO GIỮA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

ThS. ĐOÀN NHƯ HÙNG

Viện Đào tạo và Nâng cao TP. Hồ Chí Minh (IFP)

1. Đặt vấn đề

Một trong những vấn đề lớn của giáo dục Việt Nam hiện nay chính là liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) với doanh nghiệp (DN). Lợi ích mang lại về mặt kinh tế và giáo dục của mô hình này là rất lớn nhưng tại Việt Nam hoạt động này vẫn chưa mang lại hiệu quả cao. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích việc liên kết đào tạo giữa cơ sở GDNN với DN ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

2. Một số khái niệm cơ bản

2.1. Cơ sở GDNN

2.1.1. GDNN

Trong Luật GDNN số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2014, GDNN được hiểu là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên. GDNN bao gồm: Trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện từ ba đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; Dạy nghề được thực hiện dưới một năm đối với đào tạo nghề trình độ sơ cấp, từ một đến ba năm đối với đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

2.1.2. Cơ sở GDNN

Cơ sở GDNN là cơ sở đào tạo nghề nghiệp, hoạt động chính là dạy và học trang bị kiến thức, kĩ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp. Cơ sở GDNN bao gồm: Trung tâm GDNN; Trường trung cấp; Trường cao đẳng. Cơ sở GDNN được tổ chức theo các loại hình sau đây: Cơ sở GDNN công lập là cơ sở GDNN thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; Cơ sở GDNN tư thực là cơ sở GDNN thuộc sở hữu của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; Cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài gồm cơ sở GDNN 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; cơ sở GDNN liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài [1].

2.2. Doanh nghiệp

Theo Từ điển Tiếng Việt, DN là đơn vị hoạt động kinh doanh, sản xuất để kiếm lời. Theo Luật DN 2005, DN là một tổ chức kinh tế, có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

3. Liên kết đào tạo giữa cơ sở GDNN với DN ở một số nước trên thế giới và Việt Nam

3.1. Về các hình thức liên kết, hợp tác giữa cơ sở GDNN với DN

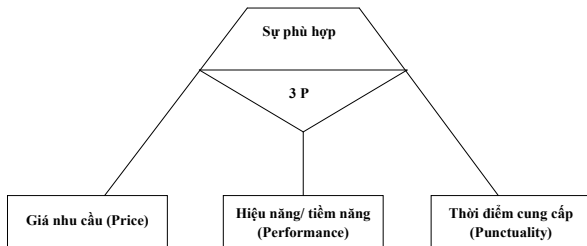
- **Ở Mĩ:** Với phương châm “nguồn nhân lực là trung tâm của mọi sự phát triển” và chiến lược đào tạo tập trung vào nguồn nhân lực, thu hút nhân tài tạo ra một nước Mĩ luôn giữ vị trí siêu cường về kinh tế và khoa học, công nghệ. Ở Mĩ, hệ thống các trường cao đẳng, đại học cộng đồng phát triển mạnh đảm bảo tính đại chúng trong giáo dục đại học, các trường này hướng vào đào tạo kĩ năng làm việc cho người lao động. Tỷ lệ giữa các trường đại học theo hướng nghiên cứu và trường cao đẳng đại học cộng đồng và là 1/30, nghĩa là cứ 01 trường đại học nghiên cứu thì có tới 30 trường cao đẳng, đại học cộng đồng. Cơ cấu trình độ đào tạo ở Mĩ có khoảng 78% dân số tốt nghiệp đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Các DN ở Mĩ cũng rất chú ý phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân công. Năm 1992, chi phí đào tạo nhân công ở các công ti là 210 tỉ USD; năm 1995 chi phí đó lên tới 600 tỉ USD, năm 2000 lên trên 800 tỉ USD và đến nay lên tới gần 1.000 tỉ USD [2].

- **Ở Cộng hòa Liên bang Đức:** Sự gắn kết giữa đào tạo nhân lực với phát triển kinh tế, nhu cầu của TTLĐ rất chặt chẽ và hiệu quả. Chính phủ Đức cũng huy động sự tham gia tích cực và hiệu quả của các lực lượng xã hội vào đào tạo nhân lực. Các DN tự nguyện tham gia đào tạo nghề trong hệ thống song hành. Các DN tư nhân cũng như các cơ quan, tổ chức tham gia đào tạo ngoài xí nghiệp được thực hiện rộng rãi nhưng phải tuân thủ theo quy định của Nhà nước đã quy định trong Luật Dạy nghề. Trong bài viết “*Tổng quan hệ thống giáo dục ở Cộng hòa Liên bang Đức*” [3], Nguyễn Văn Cường đã đưa ra một số ưu điểm của hệ thống đào tạo nghề kép ở Cộng hòa Liên bang Đức. Học sinh (HS) tham gia hệ thống này, được dạy các kĩ năng cơ bản cho ngành nghề đã chọn và sau đó được đào tạo chuyên sâu. Họ có thể theo học ngành của mình 3 ngày tại công ti, những ngày còn lại học tại trường nghề hoặc HS có thể sử dụng nhiều thời gian hơn tại công ti, và cũng có thể tham gia học ngoài giờ tại trường nghề. Hệ thống đào tạo nghề kép được điều chỉnh bởi nhu cầu cung cấp vị trí đào tạo của các công ti. Các công ti là người quyết định số lượng công nhân được đào tạo và đào tạo theo chuyên ngành nào. Công ti được quyền tự do lựa chọn các ứng cử viên được tham gia đào tạo.

- **Ở Nhật Bản:** Chính phủ Nhật Bản khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành hệ thống GDNN ngay tại các công ti, DN; có chính sách ưu đãi đối với lực lượng lao động có tay nghề cao, chuyên môn giỏi, đồng thời khích lệ hoạt động sáng tạo của người lao động thích ứng với mọi môi trường làm việc. Các trường cao đẳng công nghệ và đào tạo chuyên ngành nhận đầu vào là HS tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS).

- **Ở Việt Nam:** Phan Văn Kha trong công trình nghiên cứu cấp Bộ (Mã số 2003-52-TĐ50) “*Các giải pháp*

tăng cường mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng nhân lực có trình độ trung học chuyên nghiệp ở Việt Nam” [4] đã đề cập đến sự phù hợp của các cơ sở GDNN với DN có thể xác định qua nguyên tắc 3P: Thỏa mãn về tiềm năng, Năng lực của sản phẩm (Performance); Thời điểm cung ứng sản phẩm (Punctualiti); Giá thành sản phẩm (Price) (xem Sơ đồ 1).



Sơ đồ 1: Nguyên tắc 3P

Bùi Anh Tuấn, trong nghiên cứu về “Kết quả chương trình nghiên cứu giáo dục theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng” [5] đề cập đến thực trạng việc hợp tác giữa các cơ sở đào tạo và DN là chưa nhiều. Phần lớn các trường chủ yếu thiết lập mạng lưới hẹp với khoảng 10 DN được lựa chọn là đối tác tiềm năng. Duy nhất Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh thiết lập được mạng lưới với 120 DN có hợp tác lâu dài. Các hình thức liên kết ngắn hạn mang lại hiệu quả ít hơn.

Theo nghiên cứu “Đánh giá thực trạng liên kết giữa nhà trường và DN” của Viện Khoa học Dạy nghề – Tổng cục Dạy nghề đã đưa ra một số mô hình liên kết hiệu quả như sau [6]:

+ **Ở Bắc Ninh:** Hiện có 15 KCN tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và 16 cụm công nghiệp với hàng trăm DN đang hoạt động sản xuất kinh doanh. Trường Cao đẳng nghề (CĐN) Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh là một trong những trường đi đầu trong việc liên kết với các DN. Từ năm 2010 đến nay, nhà trường đã phối hợp đào tạo, chuyển giao hơn 3.000 lao động chất lượng cho các DN tại các KCN trong tỉnh. Trong quá trình liên kết, các DN thường xuyên hỗ trợ nhà trường trong việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo bám sát thực tiễn, hỗ trợ vật tư, máy móc, nguyên liệu, cử cán bộ định hướng dẫn trực tiếp, tạo điều kiện cho HS, SV thực tập, trải nghiệm ngay tại xưởng sản xuất... Kết thúc quá trình đào tạo, DN cấp chứng nhận hoàn thành chương trình thực tập tại sản xuất và tạo điều kiện tuyển dụng vào làm việc ngay mà không phải trải qua quá trình thử việc. Nhà trường kí cam kết hợp tác với các DN, đồng hành cùng DN bổ sung, điều chỉnh nội dung chương trình và phương pháp đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất.

+ **Ở Hà Nội:** Trường Cao đẳng nghề Bách Khoa Hà Nội đã kí kết Hợp đồng hợp tác liên kết đào tạo, thỏa thuận hợp tác về đào tạo, tăng cường nguồn nhân lực và phát triển khoa học-công nghệ với Công ty cổ phần AGROO 3000 Việt Nam, theo đó trách nhiệm các bên được phân định rõ ràng.

- Trách nhiệm của DN AGROO 3000 Việt Nam: Thiết kế chương trình, nội dung đào tạo; Tổ chức giảng dạy, tuyển giáo viên, tuyển sinh trong và ngoài nước; Kí các chương trình liên kết đào tạo với các trường ở nước ngoài; Hỗ trợ nhà trường mua sắm trang thiết bị chuyên ngành cần thiết cho ngành nghề đào tạo; Cố vấn đào tạo và khoa học.

- Trách nhiệm của nhà trường: Chịu trách nhiệm về

pháp danh và thủ tục pháp lý liên quan tới chương trình đào tạo với cơ quan nhà nước; Chịu trách nhiệm về cơ sở vật chất tại trường, an ninh, điện nước; Phối hợp với DN và quản lí giáo viên, SV trong và ngoài nước.

+ **Ở Đồng Nai:** Đồng Nai là một khu vực dẫn đầu cả nước về số lượng KCN. Nhu cầu nhân lực của Đồng Nai đòi hỏi ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai tiến hành liên kết với Công ti Esuhai – Kaizen Yoshida School với mục tiêu là đào tạo định hướng học viên và giới thiệu làm việc tại Nhật Bản. Đối tượng là HS tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), học viên trường nghề năm cuối, học viên đã tốt nghiệp trường nghề và cả cử nhân, kĩ sư. Mô hình liên kết này giúp cho học viên được tiếp cận công nghệ hiện đại, rèn luyện tác phong công nghiệp, tích lũy được số vốn, sau khi trở về nước sẽ được giới thiệu việc làm tại các DN tại Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, mô hình này còn hạn chế về số lượng học viên tham gia do chi phí đào tạo mà học viên phải đóng quá cao, trong khi học viên chủ yếu là những đối tượng thuộc diện khó khăn, không có điều kiện.

3.2. Về lợi ích của các bên trong việc liên kết giữa cơ sở GDNN với DN

a) Lợi ích đem lại cho Chính phủ

Chính phủ góp phần cải thiện các điều kiện kinh tế - xã hội; cải thiện mức sống cho nhân dân; tăng tính cạnh tranh của các ngành kinh tế; cải thiện hoạt động kinh tế; cải thiện sự đầu tư trở lại cho đào tạo nghề; hỗ trợ Chính phủ đạt được các mục tiêu phát triển.

b) Lợi ích đem lại cho DN

- DN sẽ đóng vai trò chính trong việc định hướng các cơ sở GDNN thay đổi theo một hệ thống đào tạo đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khu vực sản xuất, dịch vụ bằng cách đưa ra những tiêu chuẩn và các yêu cầu đối với lực lượng lao động;

- DN sẽ giúp cơ sở GDNN xác định những thay đổi theo yêu cầu;

- DN sẽ giúp đào tạo người lao động nhằm vào các kĩ năng ở những nơi làm việc trực tiếp, để họ có khả năng chuyển dịch không khó khăn từ cơ sở GDNN tới nơi làm việc;

- DN sẽ giảm bớt sự thiếu hụt nhân lực có kĩ năng; sẽ có một lực lượng lao động thích nghi được với những thay đổi công nghệ và môi trường mới ở nơi làm việc;

- DN sẽ có các cơ hội tuyển dụng tốt hơn;

- DN sẽ là một phần trong một cơ chế chính thức cung cấp trực tiếp đầu vào cho các cơ quan đào tạo và tập trung hơn nữa vào các nhu cầu của ngành khi xây dựng kế hoạch chiến lược;

- DN sẽ có cơ hội tham gia vào sự tiếp tục phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng và quốc gia...

c) Lợi ích đem lại cho cơ sở GDNN

- Đảm bảo các chương trình đào tạo có chất lượng; Xây dựng và duy trì các chương trình đào tạo cải tiến và phù hợp;

- Có hiệu quả hơn trong việc hoạch định kế hoạch chiến lược của cơ sở GDNN;

- Có năng lực đưa ra những quyết định xác đáng hơn trong hoạt động đào tạo theo hướng cầu của DN;

- Tạo ra cơ hội trợ nhận hỗ trợ từ DN về thiết bị và các nguồn lực khác;

- Phát triển tiềm năng tạo nên thu nhập;

- Hiểu sâu sắc hơn về những nhu cầu trong công việc của nghề và của DN;



- Xây dựng mối liên kết tốt đẹp hơn giữa nhà trường, ngành và Chính phủ;
- Chuẩn bị cho việc kiểm định chất lượng cơ sở GDNN;

- Xác định những thay đổi và những nguồn lực cần có;
- Trở thành đối tác trong hoạt động kinh tế của DN;
- Phát triển theo kịp tốc độ của tăng trưởng của DN;
- Bổ sung dữ liệu cho hệ thống thông tin thị trường lao động (LMIS);

- Tăng cường khả năng tiếp thị;
- Tạo thuận lợi cho chiến lược sắp xếp việc làm.

d) *Lợi ích đem lại cho HS, SV*

- Sẵn sàng đáp ứng công việc khi tốt nghiệp;
- Có cơ hội đến với những nghề nghiệp có ý nghĩa;

Có được những công việc với thu nhập cao hơn; Cải thiện mức sống của bản thân và gia đình;

- Phát triển các lĩnh vực chuyên môn hóa thành thạo có thể giúp nâng cao khả năng tìm kiếm thị trường của họ sau khi tốt nghiệp;
- Hải lòng về nghề nghiệp;

- Có chứng chỉ về dạy nghề được công nhận thuận lợi hơn;
- Chuẩn bị tốt hơn cho việc học tập suốt đời.

Hiện nay, ở Việt Nam, các chương trình đào tạo các cơ sở GDNN được đánh giá còn thiên nhiều về lí thuyết. Vì vậy, khuyến hướng đào tạo nghề nghiệp tiếp cận TTLĐ có sự gắn kết giữa các cơ sở GDNN và DN được coi là định hướng tích cực, đem lại lợi ích cho cả hai bên và xã hội.

3.3. Về mô hình đào tạo liên kết giữa cơ sở GDNN với DN

*** Khu vực Châu Âu - Châu Mỹ**

a/ *Mô hình “người nông dân tương lai gắn bó với nghề trên đồng ruộng” ở Liên bang Nga*

Để có được những “người nông dân tương lai gắn bó với nghề trên đồng ruộng”, Chính phủ Liên bang Nga cũng như chính phủ các nước cộng hòa trong Liên bang đã chú ý phát triển nhiều hình thức đào tạo nghề nghiệp khác nhau. Trước hết, chú trọng cung cấp những kiến thức cơ bản về nghề nghiệp cho HS năm cuối THPT, gọi là hình thức đào tạo chuyên nghiệp sơ cấp, tại các trường cao đẳng chuyên nghiệp. Những người được tuyển học nghề từ 1 đến 3 năm tùy thuộc vào trình độ học vấn phổ thông. Có hai hình thức đào tạo: chính quy (ban ngày) và không chính quy (ban đêm). Không chỉ riêng về lĩnh vực nông nghiệp mà tất cả các lĩnh vực đào tạo khác, chính phủ nước này đều áp dụng học đi đôi với hành. Nếu là HS, có thể vừa học văn hóa, kết hợp học nghề, nếu là “nông dân” họ được học lí thuyết kết hợp thực hành trên “đồng ruộng, trang trại” và được cấp chứng chỉ mới được hành nghề. Bất kì một người học nào cũng phải trở thành “nông dân lao động chuyên nghiệp” trên “cánh đồng” mà họ sẽ tham gia lao động là điều kiện.

b/ *Hệ thống đào tạo “kép” trong đào tạo nghề của CHLB Đức*

Liên kết đào tạo nghề ở Đức theo mô hình “Dual system” hay còn gọi là đào tạo nghề kép, đào tạo song tuyến, đào tạo song hành. Đây là mô hình cơ bản và phát triển ở Đức do các nhà nghiên cứu người Đức như Maslankowski, Lauterbach, Hegelhemer, Zedler, Jurgen W.Mollemann sáng lập ra và được coi là mô hình đào tạo có hiệu quả. Ưu điểm của mô hình đào tạo này là SV được đào tạo nghề trong môi trường trang bị máy móc hiện đại, nhanh chóng thích ứng với công việc, luôn được cập nhật kiến thức về công nghệ, thiết bị mới; Nhà trường giảm được chi phí đào tạo. Với mô hình này, SV

được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, tạo động cơ thúc đẩy ý thức học tập tốt hơn; Đào tạo linh hoạt theo nhu cầu của DN, SV ra trường có được việc làm, DN không phải đào tạo lại. Nhược điểm của mô hình này là HS gặp khó khăn khi bắt đầu thực tập sản xuất tại DN vì chưa qua thực hành cơ bản, việc chuyển đổi nghề khó khăn do đào tạo theo diện hẹp, chuyên sâu.

c/ *Mô hình đào tạo theo chu trình (Circular Training Model) ở Hoa Kỳ*

Theo Sloman M. và Taylor H., mô hình đào tạo theo chu trình (Circular Training Model) ra đời từ những năm 60 của thế kỉ trước ở Hoa Kỳ và ngày nay được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Theo mô hình này, mỗi khóa đào tạo đều được thực hiện theo một chu trình gồm 4 bước: Xác định nhu cầu đào tạo; Lập kế hoạch và thiết kế đào tạo; Triển khai đào tạo và Đánh giá kết quả đào tạo và sau đào tạo. Trong đó, xác định nhu cầu đào tạo tại DN được coi là xuất phát điểm của chu trình đào tạo.

*** Khu vực Châu Á**

a/ *Hệ thống dạy nghề 2+1 ở Hàn Quốc*

Hệ thống dạy nghề 2+1 là chương trình dạy nghề có sự kết hợp giữa nhà trường và DN (thời gian đào tạo 2 năm tại trường và 1 năm tại DN) nhằm tăng chất lượng đầu ra. Đây là một mô hình mới với mục tiêu đào tạo là hướng tới năng lực thực hiện của người học, tăng thời gian thực hành và cung cấp kinh nghiệm thực tiễn cho người học trong thời gian thực tập tại DN. Luật Hàn Quốc quy định DN sử dụng trên 300 lao động thì phải có bộ phận tổ chức đào tạo tại DN. Nhờ đó, Hàn Quốc đã đạt được mục tiêu để ra là đáp ứng được số lượng và chất lượng lao động kĩ thuật theo nhu cầu xã hội, thỏa mãn nhu cầu của DN và làm tăng khả năng cạnh tranh của kinh tế Hàn Quốc trong thời đại toàn cầu hóa.

b/ *Giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề ở Nhật Bản*

Hệ thống GDNN tại Nhật Bản gồm các hệ đào tạo: chính quy, không chính quy và đào tạo trong các DN. GDNN hệ chính quy do các trường nghề từ bậc trung học trở lên phụ trách, hệ không chính quy do các cơ sở GDNN nhỏ phụ trách, đào tạo trong các DN do DN phụ trách. HS sau khi tốt nghiệp các khóa học nghề chính quy trong nhà trường còn được học các lớp bồi dưỡng nghề tại DN trước khi làm việc, các lớp này cung cấp cho HS các kiến thức chủ yếu và các kĩ năng cơ bản trong môi trường sản xuất hiện đại.

*** Mô hình đào tạo liên kết ở Việt Nam**

Để tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Mã số CB-2008-02-05) “*Xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình liên kết giữa nhà trường và DN trong đào tạo nghề cho người lao động*” đã mô tả chi tiết về đặc điểm và điều kiện thực hiện liên kết trong các mô hình cơ sở GDNN, bao gồm: Liên kết trong mô hình cơ sở GDNN ngoài DN; Liên kết trong mô hình cơ sở GDNN trong DN; Liên kết trong mô hình DN trong cơ sở GDNN; Liên kết trong mô hình đào tạo tại các Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất.

Nguyễn Thị Hằng trong luận án: “*Quản lí đào tạo nghề ở các trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*” đã tập trung nghiên cứu phân tích sâu về những ưu, nhược điểm và tính đặc thù của một số mô hình phổ biến trong liên kết đào tạo giữa trường dạy nghề và DN [7]. Tác giả đúc kết một số kinh nghiệm tự xây dựng mô hình có thể áp dụng vào điều kiện Việt Nam, cụ thể là: Mô hình đào tạo song hành; Mô hình đào tạo luân phiên; Mô hình đào tạo tuần tự.

3.4. Các hình thức phối hợp giữa cơ sở GDNN và DN hiện nay

Bảng 1: Các hình thức phối hợp giữa cơ sở GDNN và DN hiện nay

TT	Các hình thức phối hợp
1	Kí văn bản hợp tác hàng năm giữa cơ sở GDNN và DN
2	DN thường xuyên cung cấp thông tin cho cơ sở GDNN về nhu cầu nhân lực của DN (từng vị trí làm việc)
3	Cơ sở GDNN và DN phối hợp tổ chức hội nghị khách hàng, hội chợ việc làm
4	DN cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn và dạy thực hành nghề cho HS của cơ sở GDNN
5	Giáo viên từ trường đến giảng dạy các khoá học do DN tự đào tạo
6	DN tham gia Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo của cơ sở GDNN
7	Cơ sở GDNN và DN kí hợp đồng để giáo viên và HS của trường đến thực tập tại các dây chuyền sản xuất hoặc vị trí làm việc của DN
8	DN hỗ trợ trang thiết bị cho cơ sở GDNN
9	DN cấp học bổng hoặc phần thưởng cho HS học nghề có thành tích trong học tập
10	DN tuyển chọn HS - SV tốt nghiệp của cơ sở GDNN vào làm việc tại DN
11	Phối hợp tổ chức sản xuất, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ
12	Cơ sở GDNN kí hợp đồng kinh tế trả tiền cho DN khi HS SV đến thực tập tại DN
13	Cơ sở GDNN nhận các hợp đồng đặt hàng đào tạo của DN

Tuy nhiên, sự liên kết tồn tại ở hai hình thức chủ yếu đó là:

DN tặng học bổng cho người học và có thể ràng buộc trách nhiệm của các cơ sở GDNN phải phục vụ cho DN trong một khoảng thời gian nhất định.

Cơ sở GDNN gửi học viên đi thực tập tại DN trong giai đoạn gần tốt nghiệp. Tuy nhiên, cơ sở GDNN và DN ít thỏa thuận, thống nhất được nội dung thực tập. SV thường thực tập không đúng chuyên môn, làm những công việc phổ thông do DN chỉ định, lí do là không tin vào tay nghề của người học hoặc người học chưa đạt được kiến thức và kĩ năng theo yêu cầu của DN. DN chưa đóng vai trò đào tạo trong quá trình thực tập chuyên môn của người học.

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết đào tạo giữa cơ sở GDNN và DN

4.1. Những nhân tố ảnh hưởng tích cực thúc đẩy mối liên kết giữa cơ sở GDNN với DN

Nhân tố mối quan hệ sẵn có giữa các bên: Những kinh nghiệm tích lũy trong quá trình hợp tác giúp cho DN tiếp tục lựa chọn đối tác đã từng liên kết với mong muốn có sẽ có nhiều triển vọng thành công. Từ mối quan hệ thân thiết và kinh nghiệm hợp tác càng tốt trong quá khứ càng giúp nâng cao kết quả liên kết giữa các đối tác.

Uy tín, danh tiếng của đối tác: Uy tín chung của tất cả các bên liên kết tác động thúc đẩy quá trình liên kết và sêmang lại hiệu quả. Mặt khác sẽ tạo nên sự bình đẳng trong hợp tác vì các đối tác thường hay đàm phán trên thế mạnh, vì vậy cả hai bên đối tác đều có uy tín, thương hiệu sẽ có sự hợp tác bình đẳng và lành mạnh.

Xác định mục tiêu: Việc xác định mục tiêu rõ ràng và chính xác là đảm bảo khi tiến hành liên kết có thể định

nghĩa và đo lường được. Từ đó lựa chọn được các hoạt động phù hợp với chuyên môn và đặc trưng văn hóa của các bên liên kết tham gia.

Năng lực của các bên tham gia: Trong giai đoạn thiết kế và lập kế hoạch của dự án liên kết, khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến kĩ thuật hay điều kiện làm việc thì năng lực của các đối tác liên kết liên quan đến mức độ hợp tác của các bên. Ngoài ra, mối liên kết giữa cơ sở GDNN và DN thành công, đạt được giá trị hay không phụ thuộc vào trình độ sẵn có của DN thông qua trình độ nguồn nhân lực, kinh nghiệm hoạt động và khả năng khai thác và áp dụng các giải pháp để giải quyết vấn đề của DN, cũng như khả năng từ phía các cơ sở GDNN.

Cam kết và thỏa thuận giữa hai bên liên kết: Liên quan đến các cấp điều hành của các bên và cam kết của họ khi tham gia hỗ trợ các nội dung liên kết hoặc cam kết tổ chức, chỉ đạo thực hiện của lãnh đạo. Việc cam kết rất quan trọng khi hình thành liên kết, nó không chỉ đảm bảo chắc chắn cho mối quan hệ sẽ nhận được nguồn lực cần thiết mà còn tạo ra giá trị cho cả 2 bên liên kết.

Khả năng đàm phán, giao tiếp, truyền đạt thông tin: Việc giao tiếp hiệu quả giữa các hai bên liên kết và xây dựng được một hệ thống thông tin thích hợp và truyền đạt thành công giữa các đối tác chính là nền tảng góp phần quan trọng tạo nên thành công của việc liên kết giữa cơ sở GDNN và DN. Khả năng giao tiếp, truyền đạt thông tin còn liên quan đến tần suất liên lạc và nội dung giao tiếp qua chia sẻ thông tin bí mật với đối tác, cung cấp những thông tin mà đối tác cần cũng như đối tác cung cấp những thông tin mà 2 bên liên kết cần.

4.2. Những nhân tố ảnh hưởng tiêu cực kìm hãm mối liên kết giữa cơ sở GDNN với DN

Sự khác biệt về đặc điểm hoạt động: Một số đặc điểm hoạt động khác nhau giữa DN và GDNN trở thành rào cản gây khó khăn cho việc hợp tác giữa hai bên liên kết. Một bên là nhà trường với môi trường làm việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học luôn quan tâm đến kiến thức, lý thuyết, tuân thủ theo các tiêu chuẩn khoa học và các chương trình giảng dạy. Một bên là DN, tập trung quan tâm đến lợi nhuận trong ngắn hạn, doanh số kinh doanh, hiệu quả kinh doanh và sự hài lòng của khách hàng. Các cơ sở GDNN có nhiệm vụ tạo ra và truyền bá kiến thức, trong khi DN cần tạo ra sản phẩm và dịch vụ hàng hóa trong môi trường cạnh tranh. Ngoài ra giữa các bên liên kết còn có sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và những giá trị khác.

Nhận thức của DN và các cơ sở GDNN: Hầu hết các DN quan tâm đến nghiên cứu ứng dụng thực tế áp dụng vào sản xuất cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho thị trường. Trong khi các cơ sở GDNN lại quan tâm đến nghiên cứu cơ bản và những đóng góp về kiến thức theo hình thức khái niệm, mô hình mới hay những phát minh dựa vào kinh nghiệm, kĩ thuật đo lường hay những mục tiêu liên quan khác.

5. Kết luận

Liên kết đào tạo nghề giữa cơ sở GDNN với DN phải là tâm điểm của chiến lược phát triển bền vững của cơ sở GDNN. Xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình liên kết giữa nhà trường và DN trong đào tạo nghề nghiệp cho người lao động là con đường ngắn nhất, kinh tế nhất và hiệu quả nhất để tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá thông qua nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô đào tạo và phát triển GDNN trong thời gian tới. Kết hợp giữa học và hành, giữa đào tạo và sản xuất, giữa nhà trường và DN là nguyên lí cơ bản của đào tạo nghề. Sự phối hợp giữa cơ sở GDNN và DN có ý nghĩa quan trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo kĩ năng nghề cho người lao động. Để bảo đảm liên kết có



hiệu quả và bền vững thì nhân tố con người là chủ thể, là yếu tố cơ bản quyết định đến sự thành công thông qua việc xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và tổ chức quá trình đào tạo. DN phải trở thành một chủ thể quan trọng trong các hoạt động của cơ sở GDNN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Luật GDNN, (2014), Điều 5.
- [2]. Phạm Việt Dũng, (2012), *Kinh nghiệm của một số quốc gia trong phát triển, quản lí và sử dụng nguồn nhân lực*, Tạp chí Cộng sản, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Văn Cường, (2012), *Tổng quan hệ thống giáo dục ở Cộng hòa Liên bang Đức*, Đại học Potsdam.
- [4]. Phan Văn Kha, (2003), *Các giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng nhân lực có trình độ trung học chuyên nghiệp ở Việt Nam*, công trình nghiên cứu cấp Bộ (Mã số 2003-52-TĐ50), Hà Nội.
- [5]. Bùi Anh Tuấn, (2014), *Kết quả chương trình*

nghiên cứu giáo dục theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng, Hà Nội.

[6]. Tổng cục Dạy nghề, (2008), *Đánh giá thực trạng liên kết giữa nhà trường và DN*, Viện Khoa học Dạy nghề - Tổng cục Dạy nghề, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Thị Hằng, (2013), *Quản lí đào tạo nghề ở các trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

SUMMARY

The article refers to the joint training between vocational institutions and enterprises in foreign countries and Vietnam. The author presented current forms of association and cooperation between the vocational establishments and enterprises, interests of these parties; models of joint training; forms of cooperation; affecting factors of joint training.

Keywords: Vocational institutions; enterprises; training; joint training.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ ... (Tiếp theo trang 54)

Biết dựa vào những thông tin nào để lựa chọn các bước đi hợp lí trong quá trình chơi.

Ví dụ về trò chơi mua bán: Tổ chức đóng kịch hợp chợ, HS đóng vai là người đi chợ mua và bán để củng cố kĩ năng tính toán với tiền Việt Nam, biết cách đi chợ, mua bán, đổi tiền, rèn luyện kĩ năng giao tiếp tiếng Việt trong mua và bán.

- Ví dụ về trò chơi thi ước lượng: Em hãy ước lượng số đo chiều dài, chiều rộng của lớp học rồi tính chu vi, diện tích lớp học theo số đo ước lượng đó. Sau đó, dùng thước đo và tính toán. HS nào ước lượng gần đúng nhất là người được khen thưởng.

GV cần có một bộ sưu tập các trò chơi khác nhau để hướng dẫn HS giải quyết các vấn đề thông qua các trò chơi học tập. Nên để cho HS phân tích và thảo luận cách chơi của mình, ghi lại các bước đi và kết quả trong mỗi trò chơi. Ngoài các trò chơi kể trên, có thể tổ chức câu lạc bộ HS yêu toán, tổ chức các cuộc thi vui về toán.

b) *Tổ chức cho HS thực hiện một số hoạt động thực hành ngoài lớp học.*

Các hoạt động thực hành thường gắn với đo đạc, tính toán với các số đo.

- Ví dụ về thực hành đo dài, chu vi:



4 Quan sát tranh và thực hành đo tương tự ngoài lớp học.



- Thực hành về đo khối lượng: Dùng cân để cân một số đồ vật trong cặp sách của em. Tính xem tất cả các đồ vật vừa cân trong cặp sách nặng bao nhiêu ki- lô- gam ?

c) *Hướng dẫn HS liên hệ vào các tình huống trong thực tế đời sống, vận dụng vào các hoạt động ở trường, ở gia đình.*

Sau mỗi buổi học, cần cứ vào nội dung bài học trên lớp, GV có thể giao thêm nhiệm vụ cho HS về nhà ứng dụng vào thực tế. Mô tả lại một tình huống quen thuộc gần gũi, hoặc kể lại một câu chuyện liên quan đến nội dung bài học giúp HS tái hiện và hình dung những thông tin về đối tượng, kích thích trí tưởng tượng và sự liên tưởng của HS để giải quyết các tình huống mới, tương tự.

Ví dụ: Đi chợ mua bán, nói về số tuổi và năm sinh của người thân trong gia đình, đo đạc, ước lượng các đồ vật có ở gia đình như chiều dài cái bàn, chiều cao cái giường,... đo chiều dài, chiều rộng cái sân, sân nhà và tính diện chu vi, diện tích của nó,...; tính toán về việc lát gạch hoa, sơn tường, rào vườn,....

4. Kết luận

Từ những hoạt động này cho thấy sự cần thiết phải tăng cường những tình huống thực tế trong dạy học môn Toán ở tiểu học để HS DTTS thấy được ý nghĩa thực tế của các tri thức toán học, khắc sâu kiến thức đã học và có niềm tin, sự hứng thú trong học tập môn Toán. Ngoài ra, tạo cho HS những cơ hội liên hệ, vận dụng phối hợp những kiến thức, kĩ năng từ các lĩnh vực khác nhau như Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Tự nhiên - Xã hội,... vào QGVĐ thực tiễn ở vùng dân tộc và miền núi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), *Dự thảo Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.

[2]. Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Thị Kiều Oanh (đồng chủ biên), Lê Nguyên Quang, Trần Thúy Nga, Nguyễn Như Sang, *Sách giáo khoa Toán 1, 2, 3, 4, 5* (thuộc chương trình nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ).

[3]. Nguyễn Thị Kiều Oanh, (2014), *Một số biện pháp hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số phát triển năng lực tính toán trong dạy học môn Toán cấp Tiểu học*, đề tài V2013-08, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

SUMMARY

The author presents issues to support ethnic students develop problem-solving competence through primary Maths teaching, including: 1/ develop situations, questions, exercises in primary Maths teaching with ethnic-life contents; 2/ Organize students' practical solutions through Maths learning activities during classtime, and other learning activities associated with outside-classroom practice (namely the organization of learning games, outside-classroom practice and guide students to link to real-life situations of ethnic students).

Keywords: Ethnic minorities; problem-solving competence; Maths.